

PHỤ LỤC 05
KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG
CÔNG TÁC THU HÚT ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Báo cáo số 382 /BC-UBND ngày 26/11/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. CÔNG TÁC THU HÚT ĐẦU TƯ

1. Tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh 10 tháng đầu năm 2021

Tính đến nay, có 450 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó 403 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký hơn 76.287 tỷ đồng. Trong đó trong 9 tháng đầu năm 2021, đã thu hút được 31 dự án với tổng vốn đăng ký là 11.699 tỷ đồng; trong đó: 04 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng vốn hơn 19,1 tỷ đồng, 06 dự án đang triển khai đầu tư xây dựng với tổng vốn hơn 818,6 tỷ đồng, 21 dự án đầu tư đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục pháp lý với tổng vốn đăng ký hơn 10.861 tỷ đồng.

2. Một số khó khăn, vướng mắc trong công tác thu hút đầu tư

a) *Vướng mắc về sự chồng chéo, mâu thuẫn cơ chế, chính sách*

Có sự chồng chéo, mâu thuẫn trong quy định về Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương dự án đầu tư: Tại điểm a, b khoản 2 Điều 31, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, ngày 26/3/2021 hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư quy định về hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư trong đó yêu cầu tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư bao gồm “Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua”. Tuy nhiên, khoản 3, Điều 62 của Luật Đất đai quy định các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất chỉ bao gồm một số dự án thuộc một số lĩnh vực (*Dự án xây dựng cơ quan nhà nước, dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung, dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư, nhà ở xã hội, dự án khai thác khoáng sản...*). Điều này dẫn đến đối với các dự án thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (*các dự án đấu giá, đấu thầu*) nhưng không thuộc dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương tại khoản 3, điều 62 Luật Đất đai thì không thể thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất, do đó không đảm bảo thành phần hồ sơ đề xuất chủ trương theo quy định.

Vấn đề này, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh có Văn bản số 1618/UBND-KTTH ngày 20/05/2021 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn tháo gỡ. Đến nay, chưa có ý kiến của Bộ KH&ĐT.

b) *Vướng mắc liên quan đến công tác quy hoạch, thu hút đầu tư của tỉnh*

- Công tác quy hoạch chưa mang tính dự báo, hầu hết các dự án do Nhà đầu tư đề xuất thường không phù hợp với các quy hoạch (*quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, sự sai lệch giữa hiện trạng rừng giữa kiểm tra thực tế và quy hoạch (quy hoạch có rừng,*

hiện trạng không có rừng); quy hoạch đầu nối giao thông...); dẫn đến gặp vướng mắc trong quá trình thẩm định, triển khai dự án.

- Các địa phương (UBND các huyện/thành phố) khi giới thiệu quỹ đất để nhà đầu tư tìm hiểu cơ hội đầu tư chưa rà soát kỹ quỹ đất, dẫn đến khi lập hồ sơ thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư gặp nhiều vướng mắc như: chồng lấn, không phù hợp quy hoạch chung...

- Trong công tác thẩm định, một số Sở, ban ngành có ý kiến thẩm định không bảo đảm theo nội dung đã được đề nghị thẩm định và quy định của Luật Đầu tư để làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh; một số đơn vị (chủ yếu là các huyện, thành phố) có ý kiến chậm so với thời gian được đề nghị. Các nội dung này Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có báo cáo và UBND tỉnh đã có Văn bản số 4209/UBND-KTTH ngày 10/11/2020 chấn chỉnh. Tuy nhiên, một số đơn vị hiện nay vẫn chưa khắc phục hoàn toàn dẫn đến rất khó khăn trong công tác tổng hợp thẩm định.

- Trong công tác giám sát đầu tư các địa phương chưa nâng cao vai trò trách nhiệm trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư nhằm kịp thời theo dõi nắm bắt, đề xuất tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các dự án đầu tư.

c) Một số vướng mắc liên quan đến nhà đầu tư

- Trong quá trình khảo sát, nghiên cứu nhà đầu tư một số nhà đầu tư chưa chủ động phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương đánh giá kỹ, đầy đủ tính khả thi của dự án (sự phù hợp quy hoạch, khả năng điều chỉnh quy hoạch, sự trùng lặp diện tích đất của các tổ chức, cá nhân khác,...) dẫn đến khi thẩm định dự án bị vướng mắc.

- Nhà đầu tư chưa chủ động thực hiện công tác Báo cáo định kỳ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để nắm thông tin dự án, quá trình tổng hợp phải đôn đốc nhiều lần.

3. Các giải pháp trong thời gian tới

- Xây dựng và đưa vào hoạt động trang website quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; trong đó thường xuyên theo dõi tiến độ các dự án đã được cấp phép đầu tư, cảnh báo nhà đầu tư về tiến độ dự án, việc thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án để đôn đốc nhà đầu tư thực hiện đúng theo quy định Luật Đầu tư tại địa chỉ <https://quanlydautuduankontum.com>. (hiện đã xây dựng đang trong bước nhập liệu).

- Rà soát các dự án đã chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng không triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo hoặc chậm tiến độ và không có lý do hợp lý để tham mưu UBND tỉnh chấm dứt hoạt động.

- Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh cần tăng cường công tác tiếp xúc, hỗ trợ Nhà đầu tư trong quá trình khảo sát, tìm hiểu cơ hội đầu tư để kêu gọi, thu hút nhà đầu tư đầu tư vào tỉnh.

4. Kiến nghị chỉ đạo

- Các đơn vị, địa phương trong triển khai công tác lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch cần khảo sát chính xác hiện trạng; phân tích, đánh giá, dự báo với tầm nhìn dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển của địa phương; đồng bộ, thống nhất giữa các ngành tránh trường hợp chồng chéo giữa các quy hoạch. Thực hiện tốt công tác quy hoạch góp phần hạn chế tình trạng phải điều chỉnh quy hoạch khi có dự án đầu tư, kéo dài thời gian thực hiện dự án.

+ Các Sở, ban, ngành địa phương, trong quá trình thẩm định dự án cần nâng cao vai trò trách nhiệm của các cơ quan nhà nước khi tham gia thẩm định dự án đầu tư phải thể hiện rõ ý kiến và quan điểm của đơn vị mình thống nhất hoặc không thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do), thẩm định đầy đủ các nội dung do cơ quan đăng ký đầu tư đề nghị. Trường hợp khi chấp thuận chủ trương có vướng mắc liên quan đến quy hoạch (*xây dựng, đất đai, đấu nối...*) thì đề xuất hướng xử lý vướng mắc để cơ quan đăng ký đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Đồng thời nâng cao vai trò trách nhiệm trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các dự án đầu tư.

II. Tình hình thực hiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

1. Tình hình cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đo lường và đánh giá thực tiễn chất lượng điều hành kinh tế của các tỉnh, thành phố. Bao gồm 10 chỉ số thành phần liên quan đến các lĩnh vực của môi trường đầu tư gồm: (1) Chi phí không chính thức; (2) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; (3) Thiết chế pháp lý; (4) Tiếp cận đất đai; (5) Tính minh bạch và Tiếp cận thông tin; (6) Chi phí Gia nhập thị trường; (7) Cạnh tranh bình đẳng; (8) Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước; (9) Tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh; (10) Đào tạo lao động. Trong mỗi chỉ số thành phần gồm nhiều chỉ tiêu đánh giá kết quả điều hành của các cấp, ngành liên quan đến hoạt động phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các chỉ số thành phần được giao cho các cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc. Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp chung.

Theo số liệu và kết quả điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã công bố, chỉ số PCI của tỉnh Kon Tum năm 2020 đạt 62,02 điểm, đứng thứ 56/63 tỉnh, thành cả nước, nằm trong nhóm xếp hạng Trung bình (*giảm 1,52 điểm và không thay đổi thứ hạng so với năm 2019*). So với 5 tỉnh Tây Nguyên, Kon Tum đứng thứ 4, trên tỉnh Đắk Nông (*với 61,96 điểm, xếp thứ 60/63 tỉnh, thành*).

Kết quả phân tích PCI năm 2020 cho thấy một số chỉ số có sự tăng trưởng và được đánh giá khá tốt so với kết quả PCI năm 2019, cụ thể có chỉ số thành phần Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp (*đạt 5,90 điểm tăng 0,16 điểm và tăng 15 bậc so với năm 2019, chỉ số này được giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc*) và chỉ số Thiết chế pháp lý & An ninh trật tự (*đạt 6,34*

điểm tăng 0,52 điểm và tăng 10 bậc so với năm 2019, chỉ số này được giao cho Sở Tư pháp làm đầu mối theo dõi, đôn đốc). Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (đạt 5,91 điểm, giảm 0,54 điểm, tuy nhiên tăng 24 bậc so với năm 2019, chỉ số này được giao Sở Thông tin và Truyền thông làm đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc).

Tuy nhiên, theo kết quả xếp hạng PCI năm 2020 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thì trong 10 chỉ số thành phần thuộc Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ có 2/10 chỉ số thành phần được đánh giá cao hơn điểm trung vị gồm: Chỉ số tiếp cận đất đai (đạt 7,12 điểm, cao hơn 0,46 điểm so với điểm trung vị năm 2020, đứng thứ 12/63 tỉnh, thành); Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (đạt 5,91 điểm, cao hơn 0,06 điểm so với điểm trung vị của năm 2020; đứng thứ 29/63 tỉnh, thành).

Điều này cho thấy, mặc dù có nhiều nỗ lực trong triển khai các biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nhưng tiến độ, tốc độ cải thiện các chỉ số thành phần của tỉnh còn chậm và chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ; chưa theo kịp tốc độ phát triển so với các tỉnh, thành khác trong cả nước dẫn đến việc cải thiện chỉ số PCI còn chậm. Cần sự vào cuộc, nỗ lực của từng cấp, ngành trong việc cải thiện chất lượng điều hành đối với lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

2. Giải pháp thực hiện

- Đôn đốc các đơn vị đầu mối/đơn vị chịu trách nhiệm đối với từng chỉ tiêu, chỉ số thành phần chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chỉ tiêu, chỉ số thành phần thuộc trách nhiệm của đơn vị. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Tỉnh ủy về kết quả các chỉ tiêu, chỉ số thành phần được phân công.

- Tiếp tục phối hợp với Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) triển khai Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban ngành và địa phương (DDCI). Quá đó, làm cơ sở để xác định những ưu điểm, hạn chế trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nằm ở cơ quan, đơn vị nào trong tỉnh và đâu là nguyên nhân của những hạn chế đó; giúp tỉnh có một công cụ theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của các Sở, ngành, huyện, thành phố, từ đó chỉ ra những lĩnh vực cần cải thiện cho từng đơn vị, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Kiến nghị, đề xuất

Chỉ đạo các đơn vị đầu mối/đơn vị chịu trách nhiệm đối với từng chỉ tiêu, chỉ số thành phần chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chỉ tiêu, chỉ số thành phần thuộc trách nhiệm của đơn vị. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Tỉnh ủy về kết quả các chỉ tiêu, chỉ số thành phần được phân công.
